

**CÔNG TY TNHH VNCUBPRIX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VNCUBPRIX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1801722922

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 583 (69/47A) đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 0878671235

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                         | 4520        |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Ngoại trừ: Hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |
| 3.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                    | 4542        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                   | 4641        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                     | 4649        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                              | 8230        |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                          | 8551        |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                  | 6201        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                     | 6311        |
| 10. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                              | 6312        |
| 11. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Ngoại trừ quảng cáo thuốc lá                                                                                    | 7310(Chính) |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                               | 7320        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                         | 7410        |
| 14. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                    | 7420        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe giải trí                                                                               | 7710        |
| 16. | In ấn                                                                                                                                  | 1811        |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                               | 1812        |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua internet)                                                                                  | 4791 |
| 20. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Ngoại trừ: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                            | 5911 |
| 21. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                              | 5912 |
| 22. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                 | 7721 |
| 23. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                            | 3230 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4763 |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

#### **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI XUÂN THỤ    | Việt Nam  | Thôn Quan Châu, Xã Hoà Châu, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 480.000.000           | 48,000    | 201824242                                                                                               |         |
| 2   | TRẦN TIẾN QUANG | Việt Nam  | Ấp Bình Thọ Đông, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam | 520.000.000           | 52,000    | 311519236                                                                                               |         |

#### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN TIẾN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 311519236

Ngày cấp: 28/04/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Thọ Đông, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Thọ Đông, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Cần Thơ